

TÌNH HÌNH SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT CỦA TỔNG LỰC NÔNG, CHÂU QUẢNG UYÊN - CAO BẰNG (CUỐI THẾ KỶ XVIII - ĐẦU THẾ KỶ XIX) - QUA ĐỊA BẠ TRIỀU NGUYỄN

ĐÀM THỊ UYÊN

Địa bạ "là văn bản chính thức về địa giới và diện tích các loại ruộng đất, các loại hình sở hữu ruộng đất của làng xã, được lập trên sự khám đạc và xác nhận của chính quyền, dùng làm cơ sở cho việc quản lý ruộng đất và thu tô thuế của Nhà nước". Qua các số liệu địa bạ chúng ta có thể rút ra nhiều điều bổ ích về:

- Phương thức sử dụng và khai phá đất đai, diện tích cây trồng từ đó ta có thể hình dung phần nào bức tranh làng xã ở mỗi địa phương, cũng như nếp sống của người dân ở đó.

- Chế độ sở hữu ruộng đất với diện tích ruộng đất thuộc các loại hình sở hữu khác nhau.

- Sự phân hóa xã hội ở nông thôn Việt Nam xưa và kết cấu kinh tế - xã hội trong các làng xã, mức độ sở hữu tư điền thổ của các giai tầng trong xã hội.

- Các dòng họ và sự phân bố các dòng họ ấy theo từng địa phương. Trên cơ sở đó, kết hợp với những tư liệu khác có thể tiến hành các nghiên cứu về dân số học lịch sử.

Với lý do trên bài viết này, tác giả chủ yếu chỉ khảo cứu địa bạ của một tổng Lục Nông (*), Châu Quảng Uyên, trấn Cao Bằng về các khía cạnh: Quy mô sở hữu ruộng đất, sự phân bố ruộng của các dòng họ và tình hình sở hữu ruộng đất của các chức dịch địa phương.

Đầu thế kỷ XIV theo cuốn "*Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX*" Châu Quảng Uyên có 40 xã thôn thuộc 5 tổng (Lục Nông, Lạc giao, Cách Linh, Ngưỡng Đồng, Vũ Lăng). Trong đó tổng Lục Nông có các xã: Chương Nam, Thượng Nam, Hạ Nam, Đa Tôn, Lục Nông. Theo tài liệu địa bạ hiện đang lưu tại Cục Lưu trữ

(*). Nay thuộc huyện Quảng Hòa tỉnh Cao Bằng

Quốc gia I Hà Nội, có niên hiệu Gia Long 4 (1805) cho chúng tôi biết tư liệu ruộng đất của 5 xã (3, 4, 5, 6, 7) này như sau:

XÃ THÔN	TỔNG SỐ GHI TRONG ĐỊA BÀ				TỔNG SỐ SAU KHI ĐÃ CỘNG KIỂM				THỔ TRẠCH VIÊN TRỊ				TƯ ĐIỂN				TỶ SỐ TƯ ĐIỂN				
	M	s	t	p*	M	s	t	p*	M	s	t	p*	M	s	t	p(*)					
Thượng Nam	259	5	0	6	0	183	3	5	6	0	23	5	0	8	0	159	8	4	8	0	87,32%
Chương Nam	407	8	7	6	0	410	7	7	6	0	106	5	8	1	0	304	1	14	5	0	74,15%
Đa Tôn	286	0	8	1	0	288	0	8	1	0	74	3	9	1	0	213	6	14	0	0	74,17%
Hạ Nam	301	8	3	9	0	298	0	3	9	0	10	9	4	9	0	287	0	14	0	0	96,31%
Lục Nông	227	8	9	4	0	223	3	9	4	0	13	8	8	8	0	209	5	0	6	0	93,81%
	1483	0	14	6	0	1403	5	4	6	0	229	2	18	7	0	1174	3	2	9	0	16,32% 83,68%

Tổng số ruộng đất các loại sau khi cộng kiểm tra: 1403 mẫu, 5 sào, 4 thước, 6 tấc, trong đó được phân trong 5 xã. Cụ thể như sau:

XÃ THÔN	RUỘNG TƯ GHI TRONG ĐỊA BÀ				DIỆN TÍCH CÓ THỂ TÍNH				SỐ/ THỨA	BÌNH QUẢN 1 THỨA				SỐ/ CHỦ	TỶ SỐ TƯ ĐIỂN							
	M	s	t	p*	M	s	t	p*		M	s	t	p*									
Thượng Nam	235	9	14	8	0	159	8	4	8	0	47	3	4	0	1	0	28	5	7	1	2	4
Chương Nam	301	2	14	5	0	304	1	14	5	0	71	4	2	12	6	6	38	8	0	0	7	7
Đa Tôn	211	6	14	0	0	213	6	14	0	0	42	5	0	13	1	9	30	7	1	3	4	0
Hạ Nam	290	8	14	0	0	287	0	14	0	0	37	7	7	8	8	9	53	5	4	2	5	0
Lục Nông	214	0	0	6	0	209	5	0	6	0	48	4	3	9	7	0	26	8	0	8	6	7
						1174	3	2	9	0	245						175	6	7	1	5	5

+ Sở hữu tư nhân chiếm tuyệt đại đa số diện tích ruộng đất của cả tổng

+ Thực canh: + Ruộng tư có 1174^m 3^s 2th 9^t 0 (79,18%)

+ Ruộng tư có 229^m 2^s 1th 7^t 0 (15,46%)

+ Lưu hoang: + Ruộng tư có 79^m 5^s 10th 0^t 0 (5,36%)

(*). Được tính theo đơn vị: mẫu, sào, thước, tấc, phân

Trên thực tế thực trưng có 94,64% còn lại 5,35% lưu hoang nhưng thuộc tư điền chứ không phải tư thổ.

Nếu nhìn trên bình diện ruộng đất của cả châu Quảng Uyên cùng thời điểm ta có:

LOẠI RUỘNG	DIỆN TÍCH					TỶ LỆ	GHI CHÚ
1-Thực canh: - Tư điền	7121	3	12	9	0	86,11%	
- Tư thổ	707	8	8	2	0	8,56%	
- Công thổ	2	4	0	0	0	0,02%	
2- Lưu hoang:- Tư điền	439	8	2	9	0	5,32%	
Tổng cộng	8270	4	9	0	0	100,000%	

Như vậy ruộng đất công ở châu Quảng Uyên thời điểm này rất ít hầu như không đáng kể tổng số chỉ có 2 mẫu 4 sào, ruộng đất tư chiếm 99,98% mà ruộng công chỉ có 0,02% và số ruộng lưu hoang chiếm một tỷ lệ đáng kể tới 5,32%.

1. Quy mô sở hữu ruộng đất tư

Theo địa bạ, số chủ sở hữu ruộng đất của cả tổng Lục Nông là 180 chủ (trong đó có 9 chủ nữ), sau khi điều chỉnh số chủ có ruộng đất phụ canh ở các xã chỉ còn 175 chủ (0 chủ nữ).

Bình quân sở hữu của một chủ ở tổng Lục Nông 6^m. 7^s. 1th. 5^t. 5^p ngang hàng với con số các tổng Ngưỡng Đồng, Vũ Lăng, Cách Linh nhưng lại thua kém tổng Lạc Giao (10. 8. 13. 2. 8). Mức sở hữu bình quân cao nhất của tổng là xã Lục Nông 8. 0. 8. 6. 7 và thấp nhất là xã Thượng Nam 3. 4. 0. 1. 0, 4 xã có mức bình quân sở hữu trên 5 mẫu.

Về tình hình phân phối trong các lớp sở hữu:

QUY MÔ SỞ HỮU	SỐ CHỦ	DIỆN TÍCH SỞ HỮU (M.S.T.T.P)					TỶ LỆ	GHI CHÚ
Dưới 1 mẫu	5 = 2,86%	3	2	0	0	0	0,27%	
1 → 5 mẫu	75 = 42,86%	212	1	8	8	0	18,06%	
5 → 10 mẫu	52 = 29,71%	368	8	1	7	0	31,41%	
10 → 20 mẫu	41 = 23,43%	549	4	3	4	0	46,80%	
20 → 40 mẫu	2 = 1,41%	40	7	4	0	0	03,47%	
Cộng	175 = 100%	1174	3	2	9	0	100%	

Phân tích số liệu trong bảng chúng ta thấy:

+ Lớp người sở hữu dưới 1 mẫu không nhiều 2,86% số chủ và 0,25% số ruộng đầu tư.

+ Lớp nông dân tư hữu, sở hữu bình quân từ 1 → 5 mẫu chiếm một vị trí đáng kể (29,71%) số chủ và 31,41% số ruộng.

+ 24,57% số người là địa chủ có trên 10 mẫu ruộng, chiếm giữ 1/2 (50,27%) diện tích ruộng đất của cả tổng.

Trên số liệu ruộng đất phân phối trong các lớp sở hữu có thể thấy rõ, trong 5 xã thuộc tổng Lục Nông, châu Quảng Uyên, ruộng tư hữu vào cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX đã tập trung trong tay những người khá giả và các địa chủ. Tuy vậy, ở đây chưa có địa chủ nào có trên 30 mẫu ruộng đất. Chủ sở hữu cao nhất là Ma Kim Thanh ở xã Thượng Nam có 20 mẫu 6 sào. Nông dân nghèo ruộng đất rất ít, 80 chủ sở hữu từ 5 mẫu trở xuống chỉ chiếm có 18,31% số ruộng đất.

Số người sở hữu là nữ 9/175 chiếm 5,14%, cũng như các tổng châu Quảng Uyên, ở đây mức độ sở hữu của nữ kém hơn nam giới. Trong số 43 địa chủ của tổng sở hữu trên 10 mẫu chỉ có 1 chủ nữ đó là Phan Thị Bảo ở xã Chương Nam sở hữu 12 mẫu 4 sào (2,32%).

Để thấy rõ mức độ sở hữu giữa nam và nữ xem cụ thể qua bảng dưới đây.

Số người	< 1	1 - > 5	5 - > 10	10 - > 20	20 - > 40	40 - > 70
Nam 166	4	68	52	40	2	
%	2,41%	40,96	31,33	24,10	1,20	
Nữ 9	1	7		1		
%	11,11	77,78		11,11		
%	20%	Tỷ số nữ trong từng lớp sở hữu				
		9,33%		44%		

Tình hình ruộng đất phụ canh: số lượng chủ phụ canh ở tổng Lục Nông cũng không nhỏ (34 chủ = 119,43%) mức sở hữu trung bình của họ (1 . 8 . 14 . 7 . 6) trong số 34 chủ có ruộng phụ canh, có trên 10 mẫu ruộng đất như:

Ma Kim Thanh người xã Thượng Nam có 17 mẫu 2 sào ruộng đất ở xã mình còn phụ canh ở xã Hạ Nam 9 sào và xã Lục Nông 2 mẫu 5 sào. Nguyễn Kim Lân

người Chương Nam đã có 17 mẫu 3 sào 8 thước còn phụ canh ở xã Hạ Nam 2 mẫu.

So với các tổng xung quanh cùng thời điểm này phụ canh là hiện tượng phổ biến và “đó là con đường phát triển sở hữu ruộng đất lớn của giai cấp địa chủ ở châu Quảng Uyên nửa đầu thế kỷ XIX.

2. Tình hình sở hữu ruộng đất của các chức dịch

Trong điển bạ của 5 xã chúng tôi thống kê được tên của 5 sắc mục, 6 xã trưởng và 6 thôn trưởng. Tổng cộng 17 người.

Các số liệu phân tích về sở hữu ruộng đất cho thấy:

- Số người khá giả có trên 5 mẫu chiếm số lớn (76,47%).
- Số địa chủ tham gia vào hệ thống chức dịch này (có sở hữu trên 10 mẫu) không cao như chức dịch tổng Lạc Giao nhưng đã chiếm gần 1/2 tổng số (7/17 người)-chiếm 41,18%. Trong số đó có một địa chủ lớn có sở hữu trên 20 mẫu.

Tình hình sở hữu cụ thể của các chức dịch như sau:

Chức sắc	Không có ruộng đất	<1 mẫu	1- > 5	5- > 10	10-> 20	20-> 40
Sắc mục 5			1	1	2	1
%			20%	20%	40%	20%
Xã trưởng 6	1			3	2	
%	16,67%			50%	33,33%	
Thôn trưởng 6	1		1	2	2	
%	16,67%		16,67%	33,33%	33,33%	
Cộng: 17	2		2	6	6	1
%	11,76%		11,76%	35,29%	35,29%	5,88

Sắc mục Nguyễn Trí Vượng ở xã Lục Nông, Ma Kim Thanh ở xã Thượng Nam, Nguyễn Kim Lộc ở xã Đa Tôn và xã trưởng Nông Thiêm Đàm ở xã Hạ Nam... là những người có nhiều ruộng đất trong các xã đó. Vai trò của từng cấp địa chủ trong bộ máy điều hành công việc làng xã tổng Lục Nông cũng gần như tổng Vũ Lăng (44,44%) và khác nhiều so với các tổng Cách Linh, Lạc Giao... sau này có dịp chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này trên một bình diện rộng lớn.

3. Sự phân bố ruộng của các dòng họ

Dòng họ, thân tộc là một trong những trọng tâm được nhiều nhà nghiên cứu dành sự quan tâm đặc biệt khi nghiên cứu về làng xã miền núi nói riêng và nông thôn Việt Nam nói chung.

Trong phân phân tích về dòng họ, chúng tôi sẽ thống kê về mức độ sở hữu tư điền của từng họ. Được tính theo quy ước căn cứ vào chữ đầu của tên người. Ví dụ: Nông Kim, Nông Đình, Nông Phúc... (có thể là các nhánh khác nhau mà hiện nay chúng tôi chưa đủ chứng cứ để phân biệt).

175 chủ sở hữu tư điền củ tổng Lục Nông thuộc 15 dòng họ khác nhau và được phân bố như sau:

Sự phân bố ruộng của các dòng họ 1805 - 1830

TT	Họ	TS chủ	Diện tích sở hữu					
1	Bế	1=00,57%	1	0	0	0	0	=00,09%
2	Chu	7=04,00%	41	5	11	0	0	=03,53%
3	Đàm	12=06,86%	90	5	11	7	0	=07,71%
4	Hoàng	13=07,43%	105	4	14	5	0	=08,99%
5	Hà	4=02,29%	22	4	10	3	0	=01,91%
6	Lương	4=02,29%	36	8	0	0	0	=03,13%
7	Lục	2=01,14%	10	3	0	0	0	=00,88%
8	Lý	2=01,14%	8	1	0	0	0	=00,69%
9	Ma	5=02,86%	33	1	0	0	0	=02,82%
10	Nông	61=34,86%	411	0	2	6	0	=35,11%
11	Nguyễn	28=16,00%	233	5	12	1	0	=19,89%
12	Phan	24=13,71%	124	0	12	7	0	=10,89%
13	Phùng	1=00,57%	4	8	1	0	0	=00,41%
14	Sầm	2=01,14%	21	2	2	0	0	=01,81%
15	Triệu	4=02,29%	20	9	0	0	0	=01,87%
16	Chưa rõ họ	5=02,86%	9	3	0	0	0	=00,77%
		175=100%	1174	3	2	9	0	=100%

Tính trung bình mỗi họ sẽ có (175: 15) \approx 11 người/họ, nhưng sự phân bố số người trong các họ không đồng đều. Bên cạnh những họ rất đông như họ Nông (61=34,86%) hay họ Nguyễn (28=16,00%) thì có một số họ có duy nhất chủ sở hữu như họ Phùng, họ Bế.

Bên cạnh sự phân bố không đồng đều về số chủ trong mỗi họ thì mức sở hữu giữa các họ cũng không bằng nhau.

Bên cạnh chủ sở hữu lớn nhất mang họ Ma có tới 20 mẫu 6 sào thì tồn tại chủ sở hữu nhỏ nhất mang họ Bế chỉ có 1 mẫu.

Điều đáng chú ý ở đây, toàn bộ ruộng đất tổng Lục Nông tập trung trong tay các dòng họ: Đàm, Hoàng, Nông, Nguyễn, Phan (với 82,27% ruộng đất và 78,86% số chủ). Khi khảo sát thực tế các dòng họ kể trên thuộc dân tộc Tày và họ cũng là thành viên làm nhiệm vụ “*phá tổng*” hoặc là “*cóc bản*” “*đăm nà cón*” (gốc bản cấy ruộng trước).

4. Kết luận

Điểm nổi bật của tổng Lục Nông qua phân tích địa bạ cho chúng ta thấy:

+ Về tư điền, Lục Nông là một trong số 5 tổng của châu Quảng Uyên lúc bấy giờ không hề có công điền. Tỷ lệ tư điền lưu hoang đứng vào hàng thứ ba so với toàn châu Quảng Uyên.

Tư thổ của Lục Nông không chia cho từng chủ cụ thể mà giao cho cư dân trong xã đồng canh đó là điểm riêng của địa bàn miền núi biên giới.

Trên cơ sở thống kê về tư điền ta tạm chia (45,72%) chủ sở hữu của tổng Lục Nông thuộc hai lớp sở hữu từ dưới 1 mẫu và từ 1 → 5 mẫu. Tức là những người có ít ruộng. Nhưng chủ sở hữu từ 5 → 10 mẫu có 52 chủ/175 chiếm 31,41%, còn lại 43 chủ/175 là lớp người nhiều ruộng đất có mức sở hữu từ 10 mẫu trở lên nắm giữ 1/2 tổng diện tích ruộng của cả tổng (50,27%). Như vậy sự phân bố ruộng đất giữa các tầng lớp cũng không đồng đều và tổng diện tích ruộng của từng lớp cũng không phụ thuộc vào chủ sở hữu của lớp đó. Ví dụ: Mức sở hữu ruộng đất trung bình 1 người của tổng Lục Nông là 6 mẫu 7 sào 1 thước 5 tấc, nhưng trên thực tế chủ sở hữu cao nhất tới 20 mẫu 6 sào, trong khi người thấp nhất chỉ có 5 sào.

Xem xét cụ thể 175 chủ sở hữu tư nhân trên, có 34 chủ là phụ canh (mua thêm ruộng ở xã khác) số còn lại là phân canh (có ruộng tại xã). Đây là một điểm đáng quan tâm vì số lượng người phụ canh của Lục Nông chiếm tỷ lệ đáng kể (19,43%) mặc dù số ruộng đất của họ chỉ có 60 mẫu 5 sào 7 thước (5,11%).

Tỷ lệ nữ của tổng Lục Nông chiếm 5,14%, nhưng tổng diện tích ruộng mà họ được sở hữu, chỉ có 25 mẫu 4 sào (2,13%) và trong đó sở hữu bình quân của mỗi chủ 2 mẫu 8 sào 3 thước 3 tấc, nhỏ hơn mức sở hữu trung bình của toàn tổng.

Hàng ngũ chức dịch của tổng Lục Nông có mức sở hữu bình quân 9 mẫu 0 sào 1 thước chiếm 13,06% tổng diện tích ruộng đất trong cả tổng. Chức dịch có sở hữu cao nhất là Sắc mục Ma Kim Thanh xã Thượng Nam có tới 20 mẫu 6 sào.

Tuy nhiên, cũng có trường hợp không có ruộng đất như xã trưởng Nông Ích Phát cùng xã. Như vậy, hàng ngũ chức dịch không phải đều là những chủ sở hữu lớn trong tổng, thậm chí có người không hề có ruộng đất.

- Vấn đề sở hữu theo dòng họ, chúng tôi căn cứ vào các thông tin về dòng họ cùng số lượng ruộng đất của các chủ sở hữu ghi trong địa bạ được xem là tư liệu gốc khi nghiên cứu vấn đề này. Tuy nhiên, chưa hẳn tất cả những người trùng họ trong địa bạ đã hẳn là có quan hệ thân tộc, nhưng dù sao việc tổng và phân tích sở hữu ruộng đất theo dòng họ cũng giúp chúng ta có những cứ liệu về mối quan hệ giữa dòng họ với vấn đề ruộng đất.

175 chủ sở hữu ruộng đất ghi tên trong địa bạ. Lục Nông có tới 15 dòng họ (xin xem bảng), có 5 chủ không rõ họ, hầu hết rơi vào các chủ nữ. Chỉ số trung bình là 11 người/1 họ, nhưng số người trong các dòng họ này phân bố không đồng đều. Trong khi họ Nông có 61 người (34,86%), còn một số dòng họ chỉ có 1 hoặc 2 người như họ Sâm, Phùng, Bế. Khi kiểm tra cụ thể trong địa bạ thì có hai chủ phụ canh còn 1 chủ là phân canh.

Xét quy mô sở hữu trung bình họ Sâm cao nhất (10 mẫu 6 sào 1 thước), rồi đến họ Lương (9 mẫu 2 sào) ít nhất là họ Bế, Phùng, còn lại về cơ bản các họ đều ở mức xấp xỉ sở hữu trung bình của toàn châu.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang, Vũ Văn Quân, Phan Phương Thảo, *Địa bạ Hà Đông*, Nxb Khoa học xã hội, H. 1995, Tr. 17.
2. Nguyễn Đức Nghinh, *Tư liệu ruộng đất Thụy Anh - Thái Bình*, Tc Nghiên cứu lịch sử, số 1, 1991, Tr. 47.
3. *Thượng Nam xã địa bạ năm Gia Long 4 và Minh Mệnh 11*, TTLTQGI. Ký hiệu ĐB/B27
4. *Thượng Nam xã địa bạ năm Gia Long 4 và Minh Mệnh 11*, TTLTQGI. Ký hiệu ĐB/B17
5. *Đa Tố xã địa bạ năm Gia Long 4 và Minh Mệnh 11*, TTLTQGI. Ký hiệu ĐB/B29
6. *Lục Nông xã địa bạ năm Gia Long 4 và Minh Mệnh 11*, TTLTQGI. Ký hiệu ĐB/B17
7. *Hạ Nam xã địa bạ năm Gia Long 4 và Minh Mệnh 11*, TTLTQGI. Ký hiệu ĐB/B12

(Chú thích: TTLTQGI - Trung tâm lưu trữ Quốc gia I)